

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-6-2021

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi.

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Thông báo dời thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 110/2021/TB-TA ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thu V, sinh năm: 1978.(vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Rue de la Borde XXb CH-XXXX Lausanne, (Thụy Sĩ).

Địa chỉ liên hệ: Khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm: 1972.(vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu phố D, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của bà Bùi Thị Thu V:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn B tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp nhau về quan điểm sống, mặc dù bà đã cố gắng dung hòa, duy trì cuộc sống vợ chồng vì con nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nên không thể hòa giải đoàn tụ nên bà xin được ly hôn ông B.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Bảo Trúc Q, sinh ngày 14/10/2002 và Trần Bảo Khánh N, sinh ngày 08/11/2004. Ly hôn bà đồng ý giao cả hai cháu cho ông B nuôi và tạm thời bà không cấp dưỡng nuôi con với ông B.

Về tài sản chung: Bà và ông B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai vào ngày 13/5/2021 của ông Trần Văn B:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị Thu V tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2001. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, sau nhiều lần hòa giải không thành bà V đã bỏ đi làm ăn xa tại Thụy Sĩ và từ năm 2019 cho đến nay và cả hai đã không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay ông cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được nên ông đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Bảo Trúc Q, sinh ngày 14/10/2002 và Trần Bảo Khánh N, sinh ngày 08/11/2004. Ly hôn ông xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu bà V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà V không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà V và ông B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Hiện tại cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà V xin ly hôn và ông B cũng đồng ý nên căn cứ Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà V.

Về con chung: Bà V và ông B đều xác định có 02 cháu gồm Trần Bảo Trúc Q, sinh ngày 14/10/2002 và Trần Bảo Khánh N, sinh ngày 08/11/2004. Xét thấy hiện tại cháu Q đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết; Riêng cháu N, căn cứ theo nguyện vọng của cháu cũng như ý kiến của ông B và bà V, đề nghị giải quyết giao cháu N cho ông B nuôi dưỡng, do ông B không yêu cầu nên tạm thời không buộc bà V phải cấp dưỡng nuôi con chung với ông B.

Về tài sản chung: Bà V và ông B tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Bà V và ông B đều khai không có nên được xác định là không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Thu V hiện đang làm việc và sinh sống tại Thụy Sĩ; ông Trần Văn B có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tỉnh Đồng Nai nên căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[2]Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị Thu V và ông Trần Văn B đều có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và vắng mặt khi xét xử nên căn cứ vào các Điều 207, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án xét xử vắng mặt bà V và ông B.

[3]Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu V và ông Trần Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2001 (được UBND phường B, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/4/2001) nên căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, xác định hôn nhân giữa bà V và ông B là hợp pháp.

Theo bà V và ông B, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không còn hòa hợp nhau về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra bất đồng và từ năm 2019 cho đến nay cả hai đã không còn liên lạc gì với nhau. Hiện tại bà V và ông B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông B cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V nên nhận thấy nếu có kéo dài thời gian cho cả hai hòa giải, hàn gắn cũng không có kết quả nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà V, giải quyết cho bà V được ly hôn ông B.

[4]Về con chung: bà V và ông B xác định có 02 cháu gồm Trần Bảo Trúc Q, sinh ngày 14/10/2002 và Trần Bảo Khánh N, sinh ngày 08/11/2004. Xét thấy hiện tại cháu Q đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết; đối với cháu N, do cháu có nguyện vọng được sống với ông B và ông B cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu nên giải quyết giao cháu cho ông B nuôi cũng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung do ông B không yêu cầu nên tạm thời không buộc bà V phải cấp dưỡng.

[5]Về tài sản chung: Bà V và ông B tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

[6]Về nợ chung: Bà V và ông B đều khai không có nên được xác định là không có.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V phải chịu 300.000 đồng.

[8]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 147, 207, 227, 228, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 121, 127 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Thu V. Bà Bùi Thị Thu V được ly hôn ông Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo Khánh N, sinh ngày 08/11/2004 cho ông B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời bà V không phải cấp dưỡng nuôi con do ông B không yêu cầu. Vì không trực tiếp nuôi con nên bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Riêng cháu Trần Bảo Trúc Q, sinh ngày 14/10/2002 hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà V đã nộp tại biên lai thu số 0002571 ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

bà V được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; ông B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ.

Trương Thị Thảo